

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KINH MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 135/QĐ-UBND

Kinh Môn, ngày 20 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Công nhận (phường, xã) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo hồ sơ đánh giá, biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày 20 tháng 01 năm 2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 22 phường, xã (có danh sách kèm theo) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019.

**Điều 2.** Giao cho Phòng Văn hóa thông tin huyện chịu trách nhiệm đăng tải danh sách xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019 lên trang thông tin điện tử của huyện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Văn hóa thông tin và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *Plac*

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**  
**Nguyễn Thị Liễu**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KINH MÔN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**  
(Kèm theo Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 20.1.2020 của Chủ tịch UBND thị xã Kinh Môn)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Loại II</b>							
1	Hiệp Hòa	90	13	25	22	10	20	90
2	Thượng Quận	91	14	26	23	9	20	90
3	An Phụ	91	14	24	23	10	20	90
4	Lạc Long	86	12	22	22	10	20	70
5	Thăng Long	85	12	22	23	9	20	70
6	Quang Thành	83	9.5	22	22	10	20	90
7	Minh Hòa	83	14	20	22	7.5	19.8	75
8	Thái Thịnh	87	14	24	20	10	20	90
9	Hiên Thành	87	15	23	22	9.5	17.5	90
10	Hiệp An	85	12	26	20	8	19	60
11	Thất Hùng	89	12	26	22	9	20	80
12	Hiệp Sơn	88	13	24	23	9	19	60
13	Phạm Thái	88	14	24	23	8	19	60
14	Duy Tân	89	14	24	22	10	19	70
15	Phú Thứ	88.5	13	23.5	22	10	20	75
16	Lê Ninh	90	14	25	23	8	20	90
17	An Lưu	89	12.5	27.5	21	9	19.3	90
<b>III</b>	<b>Loại III</b>							
1	An Sinh	93	13	21	25	10	20	100



2	Bạch Đằng	92	15	26.5	22	9	19.5	100
3	Hoành Sơn	91	15	25	22	10	19	80
4	Tân Dân	92	15	25	22	10	20	90
5	Long Xuyên	92	14	28	22	10	19	90